

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BA
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số **27/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 20 tháng 7 năm 2021

V/v: Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phùng Văn Tân

Ông Phạm Mạnh Cường

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoài Linh – Thư ký Tòa án

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Khắc Bằng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 197/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2021/QĐXX-ST ngày 04 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị **Đỗ Thị T**, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Khu 5, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

+ Bị đơn: Anh **Hà Huy C**, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 5, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn là chị Đỗ Thị T trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Đỗ Thị T trình bày:

Chị và anh Hà Huy C tự nguyện kết hôn với nhau tự nguyện, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Đại An ngày 02/11/1999. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình bố mẹ đẻ anh C là ông Hà Đức Đ (chết năm 2019) và bà Nguyễn Thị P (chết trước năm 1999). Năm 2000 bố chồng cho vợ chồng một phần đất nông nghiệp. Năm 2001 vợ chồng đã làm nhà tạm, đến năm 2015 vợ chồng làm nhà kiên cố trên đất (nhà 3 gian hiên tây và công trình phụ đầy đủ). Nhiều năm nay vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, chị đã sống li thân từ tháng 4/2019 không còn ở trên ngôi nhà chung. Nay xét thấy tình cảm không còn nên chị xin được li hôn.

Vợ chồng có 02 con chung là Hà Ngọc A, sinh năm 2001 và cháu Hà Ánh D, sinh ngày 11/9/2004. Cháu lớn đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Cháu D hiện đang ở với anh C, khi li hôn tùy nguyện vọng của cháu ở với bố hoặc mẹ.

Về tài sản: Không đề nghị giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Hà Huy C đã được triệu tập, thông báo nhiều lần nhưng không nhận văn bản của Tòa án, do vậy không có lời khai. Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, địa phương cung cấp: Vợ chồng anh chị thường xuyên mâu thuẫn, cãi cọ. Anh C hay uống rượu chửi vợ con, địa phương đã phải hoà giải nhiều lần nhưng không thành. Hiện chị T đi làm công nhân thỉnh thoảng có về chăm sóc con chung.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba tham gia phiên tòa xác định quá trình giải quyết vụ án cho đến tại phiên tòa, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và căn cứ vào các tài liệu chứng cứ, tình tiết của vụ án, các quy định của pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin li hôn và nuôi con chung của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu, xem xét các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Hà Huy C đã được triệu tập, thông báo nhưng không nhận văn bản và không đến Tòa án làm việc, cho nên Tòa án không tiến hành hòa giải giữa hai bên đương sự được, đồng thời nguyên đơn từ chối hoà giải, vì vậy Tòa án thực hiện quy định về việc hoà giải theo khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Anh Hà Huy C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS

[2] Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị T và anh Hà Huy Chiêu kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là Ủy ban nhân dân xã Đại An, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ đăng ký kết hôn, do vậy là hôn nhân hợp pháp. Nguyên đơn cho rằng nguyên nhân dẫn đến hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng là do bất đồng quan điểm, tình cảm rạn nứt, vợ chồng không thể chung sống với nhau.

Qua trình bày của đương sự và qua xác minh tình trạng hôn nhân đủ cơ sở xác định: Hiện nay anh chị sống ly thân, hai bên không có giải pháp và không có thiện chí để hàn gắn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là chính đáng, có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Cháu Hà Ngọc A, sinh năm 2001 đã trưởng thành nên không yêu cầu và Tòa án không giải quyết. Cháu Hà Ánh D, sinh ngày 11/9/2004 hiện đang ở với anh C, khi li hôn tùy nguyện vọng của cháu ở với bố nên Tòa án quyết định theo nguyện vọng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T trình bày hiện nay cháu D đang sống ổn định với anh C, hằng tháng chị vẫn cấp dưỡng cho cháu D, hiện cuộc sống của cháu D ổn định. Anh Chiêu không đến Tòa án để đề nghị giải quyết nên Tòa án không quyết định buộc cấp dưỡng.

[4] Về tài sản: Chị T không yêu cầu giải quyết, anh C không đến Toà án để đề nghị giải quyết về tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Các bên tranh chấp về tài sản sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí: Yêu cầu được chấp nhận nên chị T phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 các Điều 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Đỗ Thị T được ly hôn với anh Hà Huy C

2. Về con chung: Giao cháu Hà Anh D, sinh ngày 11/9/2004 cho anh Hà Huy C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành.

Chị Đỗ Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh Hà Huy C không yêu cầu. Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ theo biên lai thu số: AA/2020/0001520 ngày 05 tháng 10 năm 2020

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh, huyện;
- Thi hành dân sự;
- UBND xã Đ
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Lệ Thanh

